

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST  
Ngày 22/10/2018  
“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Giáp Hồng Thanh

*- Thư ký phiên toà:* Bà Đoàn Thị Oanh, Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Kim Oanh, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 73/2017/QĐST ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: anh Nguyễn Tiến Q - sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh B;

2- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Ph - sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

Nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B;

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Thân Văn T - sinh năm 1985 (vắng mặt)

HKTT: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

Nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Q trình bày:

Anh và chị Ph anh T có quan hệ quen biết. Ngày 27/4/2018, chị Nguyễn Thị Ph và anh Thân Văn T vay của anh số tiền 200.000.000đồng, hẹn ngày 27/5/2018 sẽ trả lại cho anh. Khi cho vay tiền hai bên có lập giấy biên nhận vay

tiền do anh T và chị Ph ký nhận dưới phần người vay. Đến hạn anh chị chỉ trả cho anh được 50.000.000đồng. Từ đó đến nay chị Ph và anh T chưa trả hết tiền cho anh. Số tiền cho vay là tài sản riêng của anh. Nay anh yêu cầu anh T chị Ph phải trả số tiền còn lại cho anh là 150.000.000đồng, anh không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên toà: anh Q giữ nguyên yêu cầu.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Vợ chồng chị và anh Q có quan làm ăn quen biết với nhau. Ngày 27/4/2018, vợ chồng chị vay của anh Q số tiền 200.000.000 đồng để dùng vào việc kinh doanh. Thời hạn trả nợ là ngày 27/5/2018. Về lãi suất thì cho vay không tính lãi. Chị đã được xem giấy biên nhận vay tiền đề ngày 27/4/2018 trong hồ sơ vụ án, chị thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy là do chị viết ra và ký nhận cùng anh T. Đến hạn trả nợ, vợ chồng chị đã trả anh Q được 50.000.000đồng vào ngày 27/5/2018. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả 150.000.000đồng thì chị đồng ý trả nhưng do chưa có tiền nên chị đề nghị trả dần.

Tại phiên toà, chị Ph vắng mặt.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Thân Văn T trình bày:

Vợ chồng anh và anh Q có quan làm ăn quen biết với nhau. Ngày 27/4/2018, vợ chồng anh vay của anh Q số tiền 200.000.000 đồng để dùng vào việc kinh doanh. Thời hạn trả nợ là ngày 27/5/2018. Về lãi suất thì cho vay không tính lãi. Anh đã được xem giấy biên nhận vay tiền đề ngày 27/4/2018 trong hồ sơ vụ án. Anh thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy là do chị Ph viết ra, bên dưới chữ ký của chị Ph là chữ ký “Thân Văn T” của tôi. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh đã trả anh Q được 50.000.000đồng vào ngày 27/5/2018. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả 150.000.000đồng thì anh đồng ý trả nhưng do chưa có tiền nên anh đề nghị trả dần.

Tại phiên toà, anh T vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Q cho vợ chồng chị Ph vay 200.000.000đồng, thời hạn trả nợ là ngày 27/5/2018 nhưng chị Ph không trả nợ như thoả thuận. Đến ngày 26/8/2018, anh Q khởi kiện chị Ph có nơi cư trú tại xã V, huyện T để đòi tiền. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị Ph và anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của anh Q: Anh Q và chị Ph anh T đều thừa nhận. Ngày 27/4/2018, vợ chồng chị Ph anh T vay của anh Q số tiền 200.000.000 đồng để dùng vào việc kinh doanh. Thời hạn trả nợ là ngày 27/5/2018. Về lãi suất thì cho vay không tính lãi. Đến hạn trả nợ, vợ chồng chị Ph đã trả anh Q được 50.000.000đồng vào ngày 27/5/2018, còn lại 150.000.000đồng từ đó đến nay vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản thì “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Ph phải trả 150.000.000đồng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q.

[3] Về tiền lãi: anh Q không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: anh Q yêu cầu chị Ph và anh T cùng có trách nhiệm trả tiền. Chị Ph và anh T đều thừa nhận cùng đứng ra vay tiền để kinh doanh nên anh chị phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Số tiền anh Q cho vay là tài sản riêng của anh nên buộc chị Ph anh T phải trả tiền cho anh Q là đúng quy định. Đối với chị L đã thừa nhận số tiền cho vay là tài sản riêng của anh Q, chị từ chối tham gia tố tụng nên HĐXX không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thoả thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Q được chấp nhận nên chị Ph và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $150.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.500.000 \text{ đồng}$ . Anh Quân được trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Q với chị Nguyễn Thị Ph.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Ph và anh Thân Văn T phải liên đới trả cho anh Nguyễn Tiến Q số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: chị Nguyễn Thị Ph và anh Thân Văn T phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Tiến Q số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002047 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

